TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-12-2025
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thu Vân

- Ông Nguyễn Văn Bảy

- *Thư ký phiên tòa***:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình án thụ lý số: 262/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Trúc H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Tất cả đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2025, trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị H do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 30/10/2022. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2024 vợ chồng sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị H có hai con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 15/09/2001 và Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 24/01/2006. Hiện hai con chung của anh và chị H đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Chị Ngô Trúc H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2025 của anh Nguyễn Văn S đối với chị Ngô Trúc H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

Chị Ngô Trúc H có nơi cư trú tại xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho chị Ngô Trúc H đến để tham gia phiên tòa nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do, đồng thời trong quá trình tố tụng anh S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S và chị H là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Trúc H tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2002 tại UBND xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long) nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống anh S và chị H không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh S là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ anh S và chị H đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của S đối với chị H là phù hợp.

2.2. Về con chung: Anh S khai anh và chị H có hai con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 15/09/2001 và Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 24/01/2006. Hiện hai cháu đã trưởng thành, anh S và chị H cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Anh S khai không có nên không xem xét giải quyết

2.4 Về nợ chung: Anh S khai không có nên không xem xét giải quyết

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm b Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S đối với chị Ngô Trúc H, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Trúc H được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Trúc H có hai con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 15/09/2001 và Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 24/01/2006. Hiện hai cháu đã trưởng thành, anh S và chị H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn S khai không có nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn S khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009138 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Vĩnh Long (1b);
- VKSND Khu vực 6 – Vĩnh Long (2b);
- UBND xã Tân Thành Bình (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm